

Số: 1567/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã về việc công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1534/TTr-SXD ngày 24/7/2019 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 1707/TTr-VPUBND ngày 25/7/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thay thế được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được tiếp nhận tại Trung tâm hành chính công tỉnh UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm soát TTHC (VPCP);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng;
- LĐVP; phòng KSTTHC;
- Lưu: VT. 75



Nguyễn Văn Trâm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
VÀ QUẢN LÝ CỦA NGÀNH XÂY DỰNG TỈNH BÌNH PHƯỚC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1567/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2019
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

Phần I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

| Stt | Mã số hồ sơ | Tên thủ tục hành chính | Trang | Mức DVC |
|---|-------------------|--|-------|---------|
| I - Lĩnh vực Quy hoạch - kiến trúc | | | | |
| 1 | BXD-BPC-263339-TT | Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong đô thị thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quản lý. | 13 | 2 |
| 2 | BXD-BPC-263364-TT | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. | 15 | 2 |
| 3 | BXD-BPC-263368-TT | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. | 17 | 2 |
| 4 | BXD-BPC-263400-TT | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | 19 | 2 |
| 5 | BXD-BPC-263401-TT | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | 35 | 2 |
| 6 | BXD-BPC-263412 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | 40 | 3 |
| 7 | BXD-BPC-263413 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; | 45 | 2 |

| | | | | |
|---------------------------------------|-------------------|--|-----|---|
| | | công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | | |
| 8 | BXD-BPC-263414 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | 50 | 2 |
| 9 | BXD-BPC-263415 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. | 58 | 2 |
| II - Lĩnh vực Quản lý xây dựng | | | | |
| 1 | BXD-BPC-263386-TT | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng. | 66 | 2 |
| 2 | BXD-BPC-263387-TT | Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (<i>chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng</i>). | 74 | 4 |
| 3 | BXD-BPC-263397-TT | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. | 77 | 2 |
| 4 | BXD-BPC-263398-TT | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước). | 87 | 2 |
| 5 | BXD-BPC-263399-TT | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh. | 101 | 2 |
| 6 | BXD-BPC-263404-TT | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C. | 112 | 2 |
| 7 | BXD-BPC-263405-TT | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C. | 119 | 2 |
| 8 | BXD-BPC-263429 | Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức | 122 | 2 |

| | | | | |
|---|-------------------|--|-----|---|
| | | giám sát thi công xây dựng. | | |
| 9 | BXD-BPC-263454 | Điều chỉnh, bổ sung nội dung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng. | 127 | 2 |
| 10 | BXD-BPC-263455 | Chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài. | 135 | 2 |
| 11 | BXD-BPC-263456 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng cho cá nhân hạng II, hạng III. | 139 | 3 |
| 12 | BXD-BPC-263457 | Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III. | 146 | 3 |
| 13 | BXD-BPC-263458 | Cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III. | 152 | 3 |
| 14 | BXD-BPC-263459 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại Điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề). | 159 | 3 |
| 15 | BXD-BPC-263460 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn). | 164 | 3 |
| 16 | BXD-BPC-263461 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp. | 169 | 3 |
| III - Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản | | | | |
| 1 | BXD-BPC-263350-TT | Chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư. | 179 | 2 |
| 2 | BXD-BPC-263351-TT | Chuyên nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định | 195 | 2 |
| 3 | BXD-BPC-263352-TT | Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản | 208 | 2 |
| 4 | BXD-BPC-263353-TT | Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản | 214 | 2 |
| 5 | BXD-BPC-263436-TT | Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn). | 222 | 2 |
| IV- Lĩnh vực Nhà ở | | | | |
| 1 | BXD-BPC-263366-TT | Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài. | 228 | 3 |

| | | | | |
|---|-------------------|--|-----|---|
| 2 | BXD-BPC-263367-TT | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua. | 230 | 4 |
| 3 | BXD-BPC-263374-TT | Đề nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP. | 232 | 2 |
| 4 | BXD-BPC-263375-TT | Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP. | 239 | 2 |
| 5 | BXD-BPC-263376-TT | Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. | 250 | 2 |
| 6 | BXD-BPC-263377-TT | Thẩm định giá bán, thuê mua, thế nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh. | 253 | 2 |
| 7 | BXD-BPC-263378-TT | Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh. | 255 | 2 |
| 8 | BXD-BPC-263379-TT | Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước. | 258 | 3 |
| 9 | BXD-BPC-263380-TT | Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước. | 272 | 2 |
| 10 | BXD-BPC-263381-TT | Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. | 283 | 3 |
| 11 | BXD-BPC-263382-TT | Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước. | 289 | 3 |
| 12 | BXD-BPC-263409-TT | Chấp thuận chủ trương dự án ĐTXD nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014 (trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công). | 293 | 2 |
| 13 | BXD-BPC-263441 | Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư. | 299 | 3 |
| 14 | BXD-BPC-263442 | Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư. | 304 | 3 |
| V - Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình | | | | |
| 1 | BXD-BPC-263363-TT | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành. | 309 | 2 |
| VI - Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng | | | | |
| 1 | BXD-BPC- | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng. | 314 | 2 |

| | | | | |
|---|-------------------|--|-----|---|
| | 260212-TT | | | |
| 2 | BXD-BPC-260220-TT | Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin. | 319 | 2 |
| 3 | BXD-BPC-263361-TT | Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền Bộ Xây dựng, phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND tỉnh cho phép hoạt động. | 323 | 2 |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| Stt | Mã số hồ sơ | Tên thủ tục hành chính | Trang | Mức DVC |
|---|-------------------|--|-------|---------|
| I - Lĩnh vực quy hoạch - kiến trúc | | | | |
| 1 | BXD-BPC-263365-TT | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện. | 330 | 2 |
| 2 | BXD-BPC-263369-TT | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện. | 332 | 2 |
| 3 | BXD-BPC-263407-TT | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | 334 | 3 |
| 4 | BXD-BPC-263408-TT | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | 350 | 2 |
| 5 | BXD-BPC-263419 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | 354 | 2 |
| 6 | BXD-BPC-263420 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc | 358 | 2 |

| | | | | |
|---|--------------------|---|-----|---|
| | | địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | | |
| 7 | BXD-BPC-263421 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | 362 | 2 |
| 8 | BXD-BPC-263422 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. | 370 | 2 |
| II - Lĩnh vực Thẩm định dự án, thiết kế, dự toán | | | | |
| 1 | BXD-BPC-263406-TT | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh trường hợp thiết kế 1 bước (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD; Điều 4, Điều 13 Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh</i>). | 378 | 2 |
| III - Lĩnh vực Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật | | | | |
| 1 | BXD- BPC 187784-TT | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh | 390 | 2 |

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ, BÃI BỎ

Quyết định số Quyết định số 2613/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND tỉnh công bố Công bố Bộ thủ tục hành chính được tiếp nhận tại Trung tâm hành chính công tỉnh UBND cấp huyện thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Xây dựng trên địa bàn tỉnh.

| Stt | Tên thủ tục hành chính |
|---|---|
| I - Lĩnh vực Quy hoạch - kiến trúc | |
| 1 | Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình trong đô thị thuộc thẩm quyền UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý. |
| 2 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. |
| 3 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh. |
| 4 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; |

| | |
|----|--|
| | công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. |
| 5 | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. |
| 6 | Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quản lý. |
| 7 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. |
| 8 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử-văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. |
| 9 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. |
| 10 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. |

II - Lĩnh vực Quản lý xây dựng

| | |
|---|--|
| 1 | Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III đối với: tổ chức khảo sát xây dựng; tổ chức lập quy hoạch xây dựng; tổ chức thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; tổ chức quản lý dự án đầu tư xây dựng; tổ chức thi công xây dựng công trình; tổ chức giám sát thi công xây dựng. |
| 2 | Đăng tải/thay đổi, bổ sung thông tin năng lực của tổ chức (<i>chỉ áp dụng cho tổ chức không thuộc đối tượng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng</i>). |
| 3 | Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh. |
| 4 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước). |
| 5 | Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh. |
| 6 | Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C. |
| 7 | Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C. |
| 8 | Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III. |

| | |
|---|---|
| 9 | Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng). |
| 10 | Chuyên đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài |
| 11 | Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III |
| 12 | Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III. |
| 13 | Cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III. |
| 14 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề) |
| 15 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn) |
| 16 | Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp. |
| III - Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản | |
| 1 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư. |
| 2 | Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định |
| 3 | Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản |
| 4 | Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản <i>do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản</i> |
| 5 | Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn). |
| IV- Lĩnh vực Nhà ở | |
| 1 | Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài. |
| 2 | Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua. |
| 3 | Đề nghị UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP |
| 4 | Đề nghị UBND cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP |
| 5 | Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ |

| | |
|---|---|
| | định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP |
| 6 | Thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh |
| 7 | Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh |
| 8 | Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước |
| 9 | Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước |
| 10 | Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước |
| 11 | Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước |
| 12 | Chấp thuận chủ trương dự án ĐTXD nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014 (trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công) |
| 13 | Công nhận hạng/ công nhận lại hạng nhà chung cư |
| 14 | Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư |
| V - Lĩnh vực Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật | |
| 1 | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh |
| VI - Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình | |
| 1 | Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, trừ các công trình thuộc thẩm quyền kiểm tra của Hội đồng nghiệm thu nhà nước các công trình xây dựng, cơ quan chuyên môn về xây dựng trực thuộc Bộ Xây dựng và Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành |
| VII - Lĩnh vực Giám định tư pháp xây dựng | |
| 1 | Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng. |
| 2 | Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin. |
| 3 | Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền Bộ Xây dựng, phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được UBND tỉnh cho phép hoạt động. |

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

| Stt | Tên thủ tục hành chính |
|---|--|
| I - Lĩnh vực Quy hoạch - kiến trúc | |
| 1 | Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện. |
| 2 | Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của |

| | |
|---|---|
| | UBND cấp huyện. |
| 3 | Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện quản lý. |
| 4 | Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. |
| 5 | Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. |
| 6 | Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. |
| 7 | Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. |
| 8 | Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. |
| 9 | Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh. |
| II - Lĩnh vực Thẩm định dự án, thiết kế, dự toán | |
| 1 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh trường hợp thiết kế 1 bước (<i>quy định tại Điều 5, Điều 10, Điều 13 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Điều 11 và Điều 12 Thông tư số 18/2016/TT-BXD; Điều 4, Điều 13 Quyết định số 46/2017/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh</i>). |